TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LONG XUYÊN
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **117**/2021/DS-ST
Ngày: 30-6-2021
V/v tranh chấp Hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYÊN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Bé Thu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phan Hoàng Mai

2. Bà Hồ Thị Kim Liên

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Ngọc Ký, là Thư ký Tòa án, của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân thành phố Long Xuyên tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Tuyết Nhung - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 6 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 402/2020/TLST-DS, ngày 31 tháng 12 năm 2020 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 260/2021/QĐXXST-DS, ngày 27 tháng 5 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 366/2021/QĐST-DS, ngày 14 tháng 6 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân Hàng Thương mại Cổ phần A. Địa chỉ: Lầu 8, 266-268 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường 8, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh. Do bà Nguyễn Đức Thạch D - Tổng Giám đốc đại diện theo pháp luật.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Đức D - Giám đốc; bà Hồ Thị Tuyết M - Phó Giám đốc, Trung tâm thẻ Ngân Hàng Thương mại Cổ phần A (Theo Giấy ủy quyền số 1159/2020/GUQ-PL, ngày 05/5/2020 về việc khởi kiện các hồ sơ liên quan đến lĩnh vực thẻ của Ngân Hàng Thương mại Cổ phần A).

Bà Hồ Thị Tuyết M ủy quyền lại cho ông Nguyễn Trung Q - Nhân viên Ngân Hàng Thương mại Cổ phần A (Theo giấy ủy quyền số 1055/2020/UQ-TTT, ngày 01/10/2020 của Ngân Hàng Thương mại Cổ phần A).

Bị đơn: Bà Lê Thị Trúc Gi, sinh năm 1983.

Địa chỉ: khóm T, phường MH, thành phố LX, tỉnh An Giang.

Tại phiên tòa ông Nguyễn Trung Q có mặt; ông Phạm Đức D, bà Lê Thị Trúc Gi vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 01 tháng 10 năm 2020 Ngân Hàng Thương mại Cổ phần A thể hiện nội dung và yêu cầu khởi kiện như sau:

Ngày 20/6/2011, bà Lê Thị Trúc Gi có ký với Ngân Hàng Thương mại Cổ phần A Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng, bao gồm: Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng (được gọi chung là hợp đồng). Căn cứ thu nhập của bà Gi ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 6.000.000đồng. Mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp thẻ tín dụng bà Gi đã thực hiện giao dịch với tổng số tiền là 3.000.000đồng.

Trong quá trình sử dụng thẻ từ ngày kích hoạt đến nay bà Gi đã thanh toán cho ngân hàng số tiền 3.295.500đồng. Thứ tự thanh toán căn cứ vào điều 20 của bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của ngân hàng. Qua nhiều lần làm việc nhắc nhở nhưng bà Gi vẫn không có thiện chí trả nợ. Do bà Gi đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngày 21/7/2013 ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn.

Tính đến ngày 20/5/2020 bà Gi còn nợ các khoản sau:

- Nợ gốc: 3.245.031đồng;

- Lãi quá hạn: 9.190.272đồng;

Tổng cộng là 12.615.303đồng.

Mặc dù ngân hàng đã yêu cầu bà Gi có trách nhiệm thanh toán. Tuy nhiên, bà Gi vẫn không thanh toán các khoản vay cho ngân hàng. Bà Gi đã vi phạm các điều khoản quy định theo hợp đồng đã ký.

Do đó, ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

1/ Buộc bà Lê Thị Trúc Gi phải trả ngay cho ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 20/5/2020 là 12.615.303đồng. Trong đó: Nợ gốc là 3.425.031đồng và lãi quá hạn là 9.190.272đồng.

2/ Bà Lê Thị Trúc Gi có trách nhiệm thanh toán các khoản lãi phát sinh từ ngày 21/5/2020 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng.

Bị đơn bà Lê Thị Trúc Gi không có văn bản trình bày ý kiến gửi Tòa án đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; không tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; không tham dự phiên tòa do Tòa án triệu tập.

Tại phiên tòa:

Tại phiên tòa: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tổng số tiền gốc và lãi tính đến ngày 30/6/2021 là 14.110.195đồng. Trong đó: Nợ gốc là 3.425.031đồng và lãi quá

hạn là 10.685.164đồng. Tiếp tục duy trì lãi suất phát sinh từ ngày 01/7/2021 theo Hợp đồng đã ký kết cho đến khi thanh toán xong hết nợ.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án:

Ngân hàng căn cứ vào Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng, bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 20/06/2011 và bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, được ký kết giữa Ngân hàng và bà Lê Thị Trúc Gi để yêu cầu bà Gi trả nợ gốc, lãi quá hạn và lãi phát sinh chưa thanh toán cho Ngân hàng là có cơ sở để chấp nhận theo quy định tại Điều 474, Bộ luật dân sự năm 2005 và Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng; Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Tuy nhiên, căn cứ vào Tóm tắt sao kê của Ngân hàng, nhận thấy đối với phương cách tính thanh toán (Điều 20 của hợp đồng) giữa Ngân hàng và khách hàng sử dụng thẻ tín dụng là khi khách hàng có phát sinh giao dịch (sử dụng tiền trong thẻ) và thanh toán tiền nợ lại cho Ngân hàng với số tiền tương ứng đã sử dụng và số tiền khách hàng chưa thanh toán sẽ chuyển tiếp qua nợ kỳ sau được thể hiện thông qua bảng Tóm tắt sao kê của Ngân hàng cung cấp. Nhận thấy, kỳ giao dịch mà bà Gi không thanh toán hoặc có thanh toán nhưng còn nợ thì Ngân hàng cộng tiền nợ gốc với phí, lãi phát sinh của kỳ trước chuyển sang thành nợ đầu kỳ (nợ gốc) của kỳ sau và tiếp tục tính lãi trên số nợ đầu kỳ này. Như vậy, cho thấy số tiền mà Ngân hàng yêu cầu phía bà Gi phải trả cho đến cuối kỳ với nợ gốc 3.425.031đồng là không chính xác vì số tiền này đã bao gồm tiền phí và lãi phát sinh của mỗi kỳ phía trước đó.

Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bà Gi trả cho ngân hàng số tiền nợ bao gồm vốn gốc ban đầu mà bị đơn đã vay, lãi trong hạn, lãi quá hạn, phí và lãi phát sinh đến khi trả dứt nợ với mức lãi suất trên vốn gốc ban đầu. Không chấp nhận đối với số tiền Ngân hàng yêu cầu tạm tính vượt quá như phân tích trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà Gi trả tiền vay. Do đó, Hội đồng xét xử xác định đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Bà Gi có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại thành phố Long Xuyên nên căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên thụ lý là đúng thẩm quyền.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bà Gi được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự: Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt bà Gi.

[3] Về nội dung vụ án: Ngân hàng TMCP A yêu cầu bà Gi trả số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 30/6/2021 là 14.110.195đồng của thẻ tín dụng số 486265-0943 theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 20/6/2011. Trong đó: Nợ gốc là 3.425.031đồng và lãi quá hạn là 10.685.164đồng.

Đối với quá trình giao dịch rút tiền, trả lãi, phí và gốc của bà Thương được thể hiện qua các "Tóm tắt sao kê": Ngày 20/5/2020 (kèm theo đơn khởi kiện); ngày 15/12/2020 (kèm theo văn bản số 415 ngày 07/5/2021 của Ngân hàng); tại phiên tòa ngày 14/6/2021 và 30/6/2021 đều xác định số tiền gốc tính đến thời điểm bà Gi ngưng thanh toán và Ngân hàng có thông báo yêu cầu thanh toán nếu không sẽ chuyển sang nợ quá hạn là 2.834.924đồng.

Tuy nhiên, số tiền này đã bao gồm số tiền lãi và phí hàng tháng bà Gi không thanh toán của những tháng trước là không phù hợp với quy định tại Điều 8 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Do đó, Hội đồng xét xử chỉ xác định số nợ gốc bà Gi giao dịch còn nợ lại đến thời điểm ngân hàng chuyển sang nợ quá hạn là 2.675.779đồng.

Đối với tiền phí trễ hạn trong hạn bà Gi còn nợ lại Ngân hàng tự nguyện giảm cho bị đơn. Việc tự nguyện này của ngân hàng có lợi cho bị đơn và không trái với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Do bà Gi không thanh toán số tiền đã rút đúng hạn cho Ngân hàng nên ngoài nghĩa vụ thanh toán nợ gốc thì bà Gi còn phải trả lãi cho Ngân hàng theo các điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng Ngân Hàng Thương mại Cổ phần A mà bà Gi đã ký với Ngân hàng.

Đối với tiền lãi trong hạn: Từ ngày 21/3/2013 đến ngày 20/7/2013 là 122 ngày; mức lãi suất các bên thỏa thuận là 2,15%/tháng; nợ gốc là 2.834.924đồng.

Tiền lãi trong hạn: 2.675.779đồng x 2,15%/tháng x 122 ngày = 233.952đồng

Số tiền lãi quá hạn bà Gi còn phải thanh toán cho Ngân hàng là:

- Từ ngày 21/7/2013 đến ngày 30/6/2021 là 2902 ngày; mức lãi suất các bên thỏa thuận là 3.225%/tháng; nợ gốc là 2.834.924đồng

Tiền lãi: 2.675.779đồng x 3.225%/tháng x 2902 ngày =8.347.494đồng

Tổng số tiền gốc và lãi bà Gi phải trả là: 11.257.225đồng. Trong đó: Nợ gốc 2.675.779đồng; lãi trong hạn 233.952đồng; lãi quá hạn 8.347.494đồng.

Do theo quy định pháp luật số tiền gốc và lãi bà Gi phải trả cho Ngân hàng là 11.257.225đồng nên đối với yêu cầu trả số tiền 14.110.195đồng của Ngân hàng Hội đồng xét xử chỉ chấp nhận một phần là 11.257.225đồng; yêu cầu buộc bà Gi trả thêm số tiền chênh lệch 2.852.970đồng của Ngân hàng không được chấp nhận.

[3.5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Gi phải nộp theo quy định pháp luật. Ngân hàng phải chịu án phí đối với phần yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 85, khoản 4 Điều 147, 186, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, 273, 278 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 471, 474 Bộ luật dân sự năm 2005;

- Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng

- Khoản 4 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP A: Buộc bị đơn bà Lê Thị Trúc Gi có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng số tiền còn nợ lại của thẻ tín dụng số 486265-0943 theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 20/6/2011 là 11.257.225đồng (Mười một triệu, hai trăm năm mươi bảy nghìn, hai trăm hai mươi lăm đồng) (Làm tròn số: 11.257.000đồng) Trong đó: Nợ gốc 2.675.779đồng (Hai triệu, sáu trăm bảy mươi lăm nghìn, bảy trăm bảy mươi chín đồng); lãi trong hạn 233.952đồng (Hai trăm ba mươi ba nghìn, chín trăm năm mươi hai nghìn đồng); lãi quá hạn 8.347.494đồng (Tám triệu, ba trăm bốn mươi bảy nghìn, bốn trăm chín mươi bốn đồng).

Kể từ ngày 01/7/2021 bà Gi còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2/ Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP A đối với yêu cầu buộc bà Gi trả số tiền 2.852.970đồng (Hai triệu, tám trăm năm mươi hai nghìn, chín trăm bảy mươi nghìn đồng).

3/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Gi phải nộp 563.000đồng (Năm trăm sáu mươi ba nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng TMCP A phải nộp 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào 315.000đồng (Ba trăm mười lăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0009250, ngày 28 tháng 12 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Long Xuyên. Ngân hàng TMCP A được nhận lại 15.000đồng (Mười lăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm.

4/ Về quyền kháng cáo:

Ngân Hàng Thương mại Cổ phần A được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án;

Bà Lê Thị Trúc Gi được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện Kiểm sát nhân dân TPLX;
- Chi cục Thi hành án dân sự TPLX;
- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Lưu Văn phòng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lê Thị Bé Thu